

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2024/DS-PT

Ngày: 17 - 5 - 2024

V/v Tranh chấp thừa kế tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Sơn Nữ Phà Ca

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Thị Kim Chi

Ông Phạm Trường Thọ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Vệ – Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Ông Đỗ Văn Minh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2024/TLPT-DS ngày 27 tháng 02 năm 2024 về việc “Tranh chấp thừa kế tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 08/2024/DS-ST ngày 15 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 107/2024/QĐPT-DS ngày 01 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Chị Võ Kim P; Địa chỉ: Số A, tổ A, ấp L, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

2. Chị Võ Thị Lệ T; Địa chỉ: Số A, tổ A, ấp L, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Bà Võ Thị T1, sinh năm: 1958; Địa chỉ: Số A, tổ A, ấp L, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Võ Thị K; Địa chỉ: Số A, ấp L, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.
2. Bà Võ Thị H, sinh năm: 1962; Địa chỉ: Số B, ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.
3. Anh Võ Minh T2; Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.
4. Chị Võ Thị Kim H1; Địa chỉ: Số E, tổ A, ấp L, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Võ Thị Kim H1: Chị Phạm Thị Thanh T3; Địa chỉ: Số D, khóm E, phường D, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. (Văn bản ủy quyền ngày 02/12/2023).

Người kháng cáo: Nguyên đơn chị Võ Kim P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Võ Kim P, chị Võ Thị Lệ T trình bày:

Cha mẹ của các đương sự là cụ ông Võ Minh T4 (chết năm 2000) và cụ bà Đinh Thị N chết ngày 22/12/2020. Cụ T4, cụ N có 07 người con gồm: Võ Thị T1, Võ Thị Lệ T, Võ Kim P, Võ Thị K, Võ Thị H, Võ Minh T2 và Võ Thị Kim H1. Ngoài ra cụ N không có con nuôi, cũng không có con riêng.

Sinh thời cụ N được cha mẹ cụ N tặng cho riêng các phần đất gồm: Thửa đất 334, tờ bản đồ số 12, diện tích 4.502,1m², loại LUC; Thửa đất 346, tờ bản đồ số 12, diện tích 656,1m², loại CLN; Thửa đất 465, tờ bản đồ số 12, diện tích 1.728,5m², loại đất LUC; Thửa đất 565, tờ bản đồ số 12 (thửa 653, tờ bản đồ số 6 theo GCN CTĐ), diện tích 14m², loại đất ONT; Thửa tách 237-1, tờ bản đồ số 12 (thửa 650, tờ bản đồ số 6 theo GCN CTĐ), diện tích 671,8m², loại đất LUC; Thửa tách 237-2, tờ bản đồ số 12 (thửa 651, tờ bản đồ số 6 theo GCN CTĐ), diện tích 85,5m², loại đất ONT; Thửa tách 237-3, tờ bản đồ số 12 (thửa 652, tờ bản đồ số 6 theo GCN CTĐ), diện tích 116m², loại đất CLN. Các phần đất trên do cụ N đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngoài ra trên phần đất tách thửa 237-2 có căn nhà chính nhưng đã được nhà nước bồi thường

trị giá tiền 155.000.000 đồng và căn nhà phụ khung cột bê tông, mái tole fibro xi măng, sân gạch, nhà tắm tổng trị giá 23.574.000 đồng.

Các phần đất trên cùng tọa lạc xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

Khi còn sống cụ N có viết giấy tay ghi nguyện vọng về phân chia tài sản, cụ N chia cho chị P phần đất kế bên máy xay lúa của chị H1, chia chị H1 đường đi cặp nhà chính đi thẳng ra ruộng, chia cho chị T phần đất vị trí ngay máy chà cắt nhà để ở, chia chị T1 nhà chính. Đến năm 2020 cụ N chết không để lại di chúc.

Nay nguyên đơn chị P, chị T khởi kiện yêu cầu:

- Đối với phần đất thửa 334, diện tích 4502,1m², loại LUC và thửa 346, tờ bản đồ số 12, diện tích 656,1m², loại CLN chia làm 6 kỷ phần cho P, H1, T, T1, K, H mỗi người một suất thừa kế bằng nhau. Riêng đối với suất thừa kế của chị H và chị K đồng ý tặng cho lại cho chị T1. Đối với suất thừa kế của chị H1 đồng ý tặng cho lại cho chị T và chị P mỗi người 2 suất thừa kế của chị H1.

- Đối với thửa đất 465, tờ bản đồ số 12, diện tích 1.728,5m², loại đất LUC; Thửa đất 565, tờ bản đồ số 12 (là thửa 653, tờ bản đồ số 6 theo GCN CTĐ), diện tích 14m², loại đất ONT; Thửa tách 237-1, tờ bản đồ số 12 (Là thửa 650, tờ bản đồ số 6 theo GCN CTĐ), diện tích 671,8m², loại đất LUC; Thửa tách 237-2, tờ bản đồ số 12 (Là thửa 651, tờ bản đồ số 6 theo GCN CTĐ), diện tích 85,5m², loại đất ONT; Thửa tách 237-3, tờ bản đồ số 12 (Là thửa 652, tờ bản đồ số 6 theo GCN CTĐ), diện tích 116m², loại đất CLN: Yêu cầu chia làm 6 kỷ phần, mỗi người nhận 1 suất thừa kế.

- Về giá đất: thống nhất giá đất ONT là 230.000 đồng/m²; đất CLN là 71.000 đồng/m²; đất LUC là 60.000 đồng/m² theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, biên bản định giá ngày 06/7/2023.

- Về cây trồng trên đất: Nếu chia phần đất cho người nào thì cây trồng gắn liền với đất người đó sử dụng, không yêu cầu bồi thường.

- Về nhà mồ: Nếu chia phần đất cho người nào gắn liền với nhà mồ thì người đó quản lý.

- Về vật kiến trúc và tài sản trên đất: Tòa án phân chia đất cho ai thì người đó có quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.

- + Riêng phần chuồng nuôi heo của chị T1 xây dựng trên phần đất tách thửa 237 yêu cầu chị T1 tự tháo dỡ di dời.

+ Phần nhà phụ, người được giao phần đất gắn liền sẽ trả giá trị theo giá biên bản định giá cho những hàng thừa kế còn lại và căn nhà Võ Thị T1 đang ở, các đương sự thống nhất nếu Tòa án giao nhà này cho ai sở hữu, thì người đó trả giá trị tài sản theo biên bản định giá cho hàng thừa kế còn lại và chị T1 được lưu cư 01 năm, hết thời gian lưu cư thì tự di dời vật dụng cá nhân trả lại cho người nhận phần đất gắn liền căn nhà phụ.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Võ Thị T1 trình bày:

Thống nhất lời trình bày của các nguyên đơn về cha mẹ của các đương sự là cụ ông Võ Minh T4 (chết năm 2000) và cụ bà Đinh Thị N chết ngày 22/12/2020. Thống nhất hàng thừa kế cụ N, cụ T4 và phần di sản cụ N để lại theo như trình bày các nguyên đơn. Khi cụ N chết không để lại di chúc.

Nay bị đơn cũng đồng ý chia di sản thừa kế theo yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn. Di sản cụ N để lại yêu cầu chia đều cho các đồng thừa kế theo quy định. Riêng đối với suất thừa kế của chị H và chị K đồng ý tặng cho lại cho chị T1, chị đồng ý nhận. Đồng ý giao cây trồng, vật kiến trúc gắn liền đất phần đất mỗi người được chia. Phần chuồng heo chị T1 sẽ tự tháo dỡ di dời để giao đất không yêu cầu bồi thường.

Phần căn nhà phụ khung cột bê tông, mái tole fibro xi măng, sân gạch, nhà tắm tổng trị giá 23.574.000 đồng hiện nay chị T1 đang quản lý, sử dụng. Nếu chị được giao phần đất gắn liền nhà chị T1 đồng ý trả lại giá trị nhà cho các đồng thừa kế và xin lưu thời hạn 01 năm, hết thời gian lưu cư đồng ý di dời vật dụng trả lại nhà cho người được chia.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Võ Thị Kim H1 trình bày:

Thống nhất lời trình bày của các nguyên đơn, bị đơn về cha mẹ của các đương sự là cụ ông Võ Minh T4 (chết năm 2000) và cụ bà Đinh Thị N chết ngày 22/12/2020. Thống nhất hàng thừa kế cụ N, cụ T4 và phần di sản cụ N để lại theo như trình bày các nguyên đơn, bị đơn. Khi cụ N chết không để lại di chúc. Chị H1 yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ N để lại theo pháp luật.

- Đối với thửa đất 465, tờ bản đồ số 12, diện tích 1.728,5m², loại đất LUC; Thửa đất 565, tờ bản đồ số 12 (là thửa 653, tờ bản đồ số 6 theo GCN CTĐ), diện tích 14m², loại đất ONT; Thửa tách 237-1, tờ bản đồ số 12 (Là thửa 650, tờ bản đồ số 6 theo GCN CTĐ), diện tích 671,8m², loại đất LUC; Thửa tách

237-2, tờ bản đồ số 12 (Là thửa 651, tờ bản đồ số 6 theo GCN CTĐ), diện tích 85,5m², loại đất ONT; Thửa tách 237-3, tờ bản đồ số 12 (Là thửa 652, tờ bản đồ số 6 theo GCN CTĐ), diện tích 116m², loại đất CLN: Yêu cầu chia làm 6 kỳ phần, mỗi người nhận 1 suất thừa kế.

Còn phần đất thửa 334, diện tích 4502,1m², loại LUC và thửa 346, tờ bản đồ số 12, diện tích 656,1m², loại CLN. Chị H1 không nhận di sản và đồng ý cho chị T, chị P mỗi người $\frac{1}{2}$ suất thừa kế của chị H1.

Đối với nhà máy X lúa của chị H1: nếu Tòa án giao phần đất gắn liền với nhà máy cho ai nhận, thì người nhận có trách nhiệm đền bù giá trị theo biên bản định giá cho chị H1. Chị H1 đồng ý tự nguyện di dời các vật dụng, máy móc có trong nhà máy.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Võ Thị K, Võ Thị H trình bày:

Thông nhất lời trình bày của các nguyên đơn, bị đơn về cha mẹ của các đương sự là cụ ông Võ Minh T4 (chết năm 2000) và cụ bà Đinh Thị N chết ngày 22/12/2020. Thống nhất hàng thừa kế cụ N, cụ T4 và phần di sản cụ N để lại theo như trình bày các nguyên đơn, bị đơn. Khi cụ N chết không để lại di chúc.

Chị K, chị H yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ N để lại theo pháp luật. Phần di sản thừa kế chị K, chị H được chia sẽ cho chị T1.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Võ Minh T2 trình bày:

Thông nhất lời trình bày của các nguyên đơn, bị đơn về cha mẹ của các đương sự là cụ ông Võ Minh T4 (chết năm 2000) và cụ bà Đinh Thị N chết ngày 22/12/2020. Thống nhất hàng thừa kế cụ N, cụ T4 và phần di sản cụ N để lại theo như trình bày các nguyên đơn, bị đơn. Khi cụ N chết không để lại di chúc.

Anh T2 không yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ N.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 08/2024/DS-ST ngày 15 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Võ Kim P, chị Võ Thị Lệ T; chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn chị Võ Thị T1, chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Võ Thị Kim H1, chị Võ Thị K, chị Võ Thị H.

- Chị Võ Thị P1 được hưởng thừa kế quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất gồm: Tách thửa 334-2, diện tích 1.140,3m² (gồm các mốc: 2, 3, 4, c, b, 2), tờ bản đồ số 12, loại đất LUC; Tách thửa 346-2, diện tích 196,5m² (gồm các mốc: 1, 2, b, a, 13, 1), tờ bản đồ số 12, loại đất CLN; Thửa 565, diện tích 14m² (gồm các mốc 4, 29, 28, 3, 4), tờ bản đồ số 12, loại đất ONT; Tách thửa 237-3-2, diện tích 27,5m² (gồm các mốc: k, e, h, 3, 28, 29, 4, k), tờ bản đồ số 12, loại đất CLN; Tách thửa 237-1-3, diện tích 147,1m² (gồm các mốc: e, d, f, g, h, e), tờ bản đồ số 12, loại đất LUC; Tách thửa 465-3, diện tích 284,8m² (gồm các mốc: d, 20, 21, 22, f, d), tờ bản đồ số 12, loại đất LUC.

- Chị Võ Thị Lệ T được hưởng kế là quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất gồm: Tách thửa 334-3, diện tích 1.136,2m² (gồm các mốc: b, c, e, f, b), tờ bản đồ số 12, loại đất LUC; Tách thửa 346-3, diện tích 183,9m² (gồm các mốc: a, b, f, 11, 12, a), tờ bản đồ số 12, loại đất CLN; Tách thửa 237-3-3, diện tích 52,1m² (gồm các mốc: 1, 2, 3, h, a, 1), tờ bản đồ số 12, loại đất CLN; Tách thửa 237-1-4, diện tích 152,3m² (gồm các mốc: h, g, f, 27, a, h), tờ bản đồ số 12, loại đất LUC; Tách thửa 465-4, diện tích 245,5m² (gồm các mốc: f, 22, 23, 24, 25, 26, 27, f), tờ bản đồ số 12, loại đất LUC.

- Chị Võ Thị T1 được hưởng thừa kế là quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất gồm: Tách thửa 334-1, diện tích 2.225,6m² (gồm các mốc: f, e, 5, 6, f), tờ bản đồ số 12, loại đất LUC; Tách thửa 346-1, diện tích 275,7m² (gồm các mốc: 11, f, 6, 7, 8, 9, 10, 11), tờ bản đồ số 12, loại đất CLN; Tách thửa 237-2, diện tích 85,5m² (gồm các mốc: 7, 32, 31, 30, 6, 7), tờ bản đồ số 12, loại đất ONT; Tách thửa 237-3-1, diện tích 36,4m² (gồm các mốc: 5, 6, e, k, 5), tờ bản đồ số 12, loại đất CLN; Tách thửa 237-1-2, diện tích 315,8m² (gồm các mốc: 32, b, d, e, 6, 30, 31, 32), tờ bản đồ số 12, loại đất LUC; Tách thửa 465-2, diện tích 876,6m² (gồm các mốc: b, c, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, d, b), tờ bản đồ số 12, loại đất LUC.

- Chị Võ Thị Kim H1 được hưởng thừa kế là quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất gồm: Tách thửa 237-1-1, diện tích 56,6m² (gồm các mốc: 7, 8, 9, b, 32, 7), tờ bản đồ số 12, loại đất LUC; Tách thửa 465-1, diện tích 321,6m² (gồm các mốc: 9, 10, 11, 12, 13, c, b, 9), tờ bản đồ số 12, loại đất LUC.

Các phần đất trên cùng tọa lạc tại ấp L, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. Kèm theo Kết quả đo đạc hiện trạng khu đất ngày 12/10/2023 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện L.

- Buộc chị Võ Thị T1 có nghĩa vụ trả cho chị Võ Thị Kim H1, chị Võ Thị Lệ T mỗi người số tiền 25.511.000 đồng (Hai mươi lăm triệu năm trăm mười một nghìn đồng).

- Buộc chị Võ Thị T1 có nghĩa vụ trả cho chị Võ Kim P số tiền 35.025.000 đồng (Ba mươi lăm triệu không trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

- Buộc chị Võ Thị Lệ T có nghĩa vụ trả cho chị Võ Thị Kim H1 số tiền 19.893.000 đồng (mười chín triệu tám trăm chín mươi ba nghìn đồng). Chị H1 có nghĩa vụ di dời các vật dụng, máy móc ra khỏi nhà máy xay lúa có trên phần đất thuộc tách thửa 237-3-3 và tách thửa 237-1-4 thuộc quyền sử dụng của chị T.

- Đối với chuồng nuôi heo của chị P có trên phần đất thuộc tách thửa 237-3-3 và tách thửa 237-1-4 thuộc quyền sử dụng của chị T, chị P và chị T tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu bồi thường, nên toà không giải quyết.

- Chị Võ Kim P, chị Võ Thị Lệ T được lưu cư thời gian là 01 năm kể từ ngày án có hiệu lực, hết thời gian lưu cư chị T, chị P có nghĩa vụ di dời vật dụng cá nhân ra khỏi căn nhà phụ nằm trên phần đất tách thửa 237-2, tách thửa 237-1-2 thuộc quyền sử dụng của chị Võ Thị Tuyết .

- Chị Võ Thị T1 có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời chuồng nuôi heo của chị T1 có trên phần đất nằm tại tách thửa 465-3 thuộc quyền sử dụng đất của chị P.

- Buộc chị Võ Thị T1, chị Võ Thị P1, chị Võ Thị Lệ T có nghĩa vụ giao cho chị Võ Thị Kim H2 phần đất tách thửa 237-1-1, diện tích 56,6m² và tách thửa 465-1, diện tích 321,6m², tờ bản đồ số 12, loại đất LUC, tọa lạc tại xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

- Chị Võ Kim P, chị Võ Thị T1, chị Võ Thị Lệ T, chị Võ Thị Kim H1 có quyền và nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Ngày 29 tháng 01 năm 2024, nguyên đơn chị Võ Kim P có đơn kháng cáo không đồng ý nhận phần đất theo vị trí cấp sơ thẩm phân chia do phần đất được chia chủ yếu đất ao nên không thể cất nhà ở. Yêu cầu chia phần đất vị trí đã chia cho chị T1, chị xin nhận đất giáp ranh với chị Võ Thị Kim H1

Tại phiên tòa phúc thẩm: Chị P vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, phần đất chị được chia thuộc thửa 565, diện tích 14m², tờ bản đồ số 12, loại đất ONT; Tách thửa 237-3-2, diện tích 27,5m² tờ bản đồ số 12, loại đất CLN; Tách thửa 237-1-3, diện tích 147,1m², tờ bản đồ số 12, loại đất LUC; Tách thửa 465-3, diện tích 284,8m², tờ bản đồ số 12, loại đất LUC chị không đồng ý nhận. Bởi vì phần đất trên một mặt giáp lộ chạy vào bên trong khoảng 14 mét là đất liền phần còn lại là đất ao nên không thể cất nhà để ở, tòa án cấp sơ thẩm phân chia cho chị T1 phần đất nhiều hơn chị P. Yêu cầu nhận diện tích đất tương đương ngay vị trí phần đất chị T1 được chia và cạnh phần đất chị H1.

Chị T1 không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của chị P và xác định vị trí, cách phân chia của án sơ thẩm là phù hợp với di nguyện của cụ N lúc còn sống. Vị trí đất chị được cấp sơ thẩm phân chia gắn với nhà, công trình phụ bà đang ở và diện tích chị nhận thừa kế nhiều hơn chị P2 là do các đồng thừa kế khác như chị H, chị K giao kỷ phần thừa kế của họ cho chị T1. Phần đất chị P2 được chia vẫn còn đất trống để cất nhà ở, phần đất ao chỉ một phần không ảnh hưởng xây dựng nhà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến xét xử phúc thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức, thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của chị Võ Kim P. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 08/2024/DS-ST ngày 15 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

Án phí dân sự phúc thẩm: Buộc bà Võ Kim P phải chịu 300.000 đồng án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Võ Minh T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt

không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với đương sự trên.

[2] Các đương sự thống nhất di sản thừa kế của cụ Đinh Thị N gồm: Thửa đất 334, tờ bản đồ số 12, diện tích 4.502,1m², loại LUC; Thửa đất 346, tờ bản đồ số 12, diện tích 656,1m², loại CLN; Thửa đất 465, tờ bản đồ số 12, diện tích 1.728,5m², loại đất LUC; Thửa đất 565, tờ bản đồ số 12 (là thửa 653, tờ bản đồ số 6 theo GCN CTĐ), diện tích 14m², loại đất ONT; Thửa tách 237-1, tờ bản đồ số 12 (là thửa 650, tờ bản đồ số 6 theo GCN CTĐ), diện tích 671,8m², loại đất LUC; Thửa tách 237-2, tờ bản đồ số 12 (là thửa 651, tờ bản đồ số 6 theo GCN CTĐ), diện tích 85,5m², loại đất ONT; Thửa tách 237-3, tờ bản đồ số 12 (là thửa 652, tờ bản đồ số 6 theo GCN CTĐ), diện tích 116m², loại đất CLN. Cùng tọa lạc xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long; Một căn nhà phụ khung cột bê tông, mái tole fibro xi măng, sân gạch, nhà tắm tổng trị giá 23.574.000 đồng; số tiền bồi thường dự án 155.000.000 đồng do chị T1 quản lý.

[3] Xét kháng cáo của chị P không đồng ý nhận vị trí đất theo phân chia cấp sơ thẩm đối với các phần đất thuộc thửa đất 465, tờ bản đồ số 12, diện tích 1.728,5m², loại đất LUC; thửa 565, diện tích 14m², tờ bản đồ số 12, loại đất ONT; Tách thửa 237-3-2, diện tích 27,5m² tờ bản đồ số 12, loại đất CLN; Tách thửa 237-1-3, diện tích 147,1m², tờ bản đồ số 12, loại đất LUC; Tách thửa 465-3, diện tích 284,8m², tờ bản đồ số 12, loại đất LUC. Chị P cho rằng phần đất tòa án phân chia đa số là đất ao nên chị không thể cất nhà để ở. Chị T1 được phân chia đất nhiều hơn chị nên chị P yêu cầu nhận diện tích đất tương đương ngay vị trí phần đất chị T1 được phân chia và cạnh phần đất chị H1. Tuy nhiên, chị T1 không đồng ý đổi vị trí theo yêu cầu chị P. Đối với thửa đất 334, tờ bản đồ số 12, diện tích 4.502,1m², loại LUC; Thửa đất 346, tờ bản đồ số 12, diện tích 656,1m², loại CLN, chị T1 đồng ý với bản án sơ thẩm.

Thửa đất 465, diện tích 1.728,5m², loại đất LUC; Thửa tách 237-1, tờ bản đồ số 12 (thửa 650, tờ bản đồ số 6 theo GCN CTĐ), diện tích 671,8m², loại đất LUC; Thửa tách 237-3, tờ bản đồ số 12 (thửa 652, tờ bản đồ số 6 theo GCN CTĐ), diện tích 116m², loại đất CLN. Cùng tọa lạc xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. Các đương sự thống nhất chia di sản thành 6 kỷ phần thừa kế cho P, H1, T, T1, K, H mỗi người một suất thừa kế bằng nhau. Phần chị H và chị K đồng ý tặng cho lại cho chị T1 nên chị T1 được hưởng 3 suất thừa kế. Phần chị P, chị H1, chị T mỗi người được chia 1 suất thừa kế.

Xét đặc điểm vị trí các thửa đất 465, diện tích 1.728,5m², loại đất LUC; thửa 565, diện tích 14m², loại đất ONT; Thửa tách 237-1, diện tích 671,8m², loại đất LUC; Thửa tách 237-2, diện tích 85,5m², loại đất ONT và thửa tách 237-3, diện tích 116m², loại đất CLN một mặt giáp lộ, một mặt giáp kinh và các thửa đất nằm liền kề nhau. Trên đất có nhà ở, công trình phụ và cây trồng của chị T1, chị P, chị T và chị H1. Các đương sự đều có nhu cầu sử dụng đất để ở và canh tác. Án sơ thẩm phân chia cho chị H1, chị T1, chị P, chị T các thửa đất trên dựa trên kỹ phần thừa kế mỗi người được hưởng và mỗi người đều được phân chia một phần đất giáp lộ và phần đất liền kề chạy dài vào vị trí giáp kinh. Chị T1 được cấp sơ thẩm phân chia diện tích đất nhiều hơn chị P, lý do chị H, chị Kiều t cho chị T1 nên chị T1 được hưởng 3 kỹ phần thừa kế. Do đó, cấp sơ thẩm chia cho chị T1 các phần đất tách thửa 237-2, diện tích 85,5m², loại đất ONT; Tách thửa 237-3-1, diện tích 36,4m², loại đất CLN; Tách thửa 237-1-2, diện tích 315,8m², loại đất LUC; Tách thửa 465-2, diện tích 876,6m², loại đất LUC là có căn cứ và phù hợp pháp luật. Ngoài ra, tại phiên tòa, các đương sự đều thừa nhận lúc cụ N còn sống tuy không để lại di chúc nhưng cụ có di nguyện phân chia các thửa 465, thửa 565, thửa 237-1, thửa 237-2, thửa 237-3 ngay vị trí như án sơ thẩm phân chia cho chị H1, chị T1, chị P và chị T.

Án sơ thẩm phân chia diện tích đất, vị trí đất cho chị P là phù hợp với kỹ phần thừa kế mà chị P được hưởng theo pháp luật và án sơ thẩm khi phân chia cho các đương sự đã khảo sát, căn cứ nhu cầu thực tế, vị trí các bên đã từng sử dụng và nguyện vọng cụ N khi còn sống. Do đó, chị P kháng cáo yêu cầu được đổi vị trí đất với chị T1 nhưng chị T1 không đồng ý nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo chị P.

[4] Các phần khác của án bản án sơ thẩm không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị P phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức, thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Võ Kim P. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 08/2024/DS-ST ngày 15 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ vào Điều 147, 148, 157, 165, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 609, 612, 613, 649, 650, 651, 660 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 3 Luật đất đai năm 2013; Điều 12, 13, khoản 7 Điều 27, 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Võ Kim P, chị Võ Thị Lệ T; Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn chị Võ Thị T1; Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Võ Thị Kim H1 về việc phân chia di sản thừa kế cụ Đinh Thị N theo pháp luật.

1.1. Chia cho chị Võ Kim P các phần đất và tài sản gắn liền trên đất gồm: Thửa 565, diện tích 14m² (gồm các mốc 3, 4, 29, 28, 3), tờ bản đồ số 12, loại đất ONT; Tách thửa 237-3-2, diện tích 27,5m² (gồm các mốc: k, e, h, 3, 28, 29, 4, k), tờ bản đồ số 12, loại đất CLN; Tách thửa 237-1-3, diện tích 147,1m² (gồm các mốc: e, d, f, g, h, e), tờ bản đồ số 12, loại đất LUC; Tách thửa 465-3, diện tích 284,8m² (gồm các mốc: d, 20, 21, 22, f, d), tờ bản đồ số 12, loại đất LUC.

Các phần đất trên tọa lạc tại tổ A, ấp L, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

(Kèm theo Kết quả đo đạc hiện trạng khu đất ngày 12/10/2023 và sơ đồ chia tách thửa của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện L).

1.2. Chia cho chị Võ Thị T1 các phần đất và tài sản gắn liền trên đất gồm: Tách thửa 237-2, diện tích 85,5m² (gồm các mốc: 6, 7, 32, 31, 30, 6), tờ bản đồ số 12, loại đất ONT; Tách thửa 237-3-1, diện tích 36,4m² (gồm các mốc: k, 5, 6, e, k), tờ bản đồ số 12, loại đất CLN; Tách thửa 237-1-2, diện tích 315,8m² (gồm các mốc: 32, b, d, e, 6, 30, 31, 32), tờ bản đồ số 12, loại đất LUC; Tách thửa 465-2, diện tích 876,6m² (gồm các mốc: b, c, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, d, b), tờ bản đồ số 12, loại đất LUC.

Các phần đất trên tọa lạc tại tổ A, ấp L, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

(Kèm theo Kết quả đo đạc hiện trạng khu đất ngày 12/10/2023 và sơ đồ chia tách thửa của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện L).

Các đương sự có nghĩa vụ liên hệ các cơ quan có thẩm quyền đăng ký, kê khai quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

2. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Chị Võ Kim P phải chịu tiền án phí phúc thẩm 300.000 đồng. Số tiền trên chị P đã nộp tạm ứng theo biên lai số 0000753 ngày 29/01/2014 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L nên được khấu trừ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND CC tại TP.HCM 01;
- VKSND TVL 01;
- TAND H.L 01;
- CC THADS H.L 01;
- Đương sự 07;
- Phòng HCTP 01;
- Phòng KTNV&THA 01;
- Lưu hồ sơ vụ án 04.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Son Nữ Phà Ca

